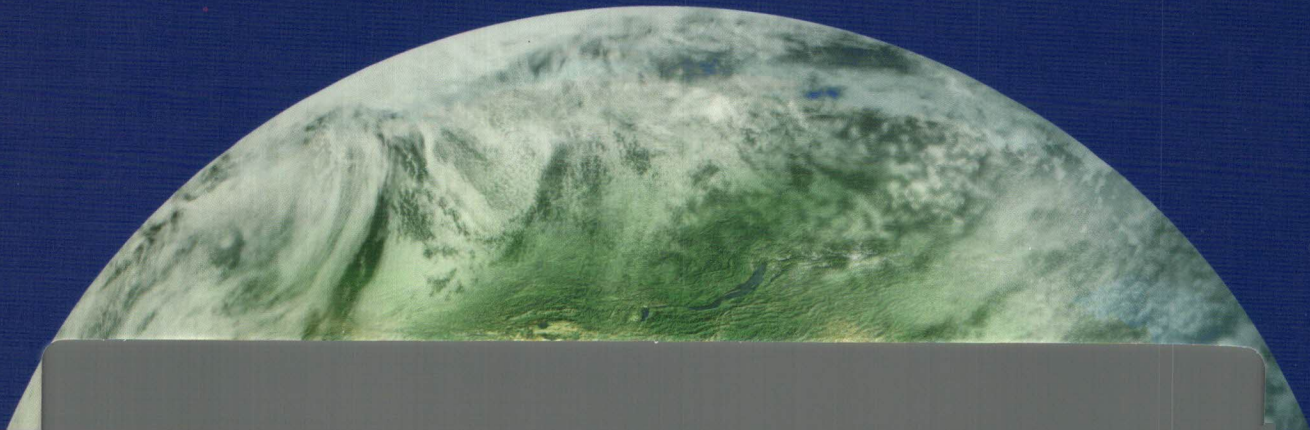


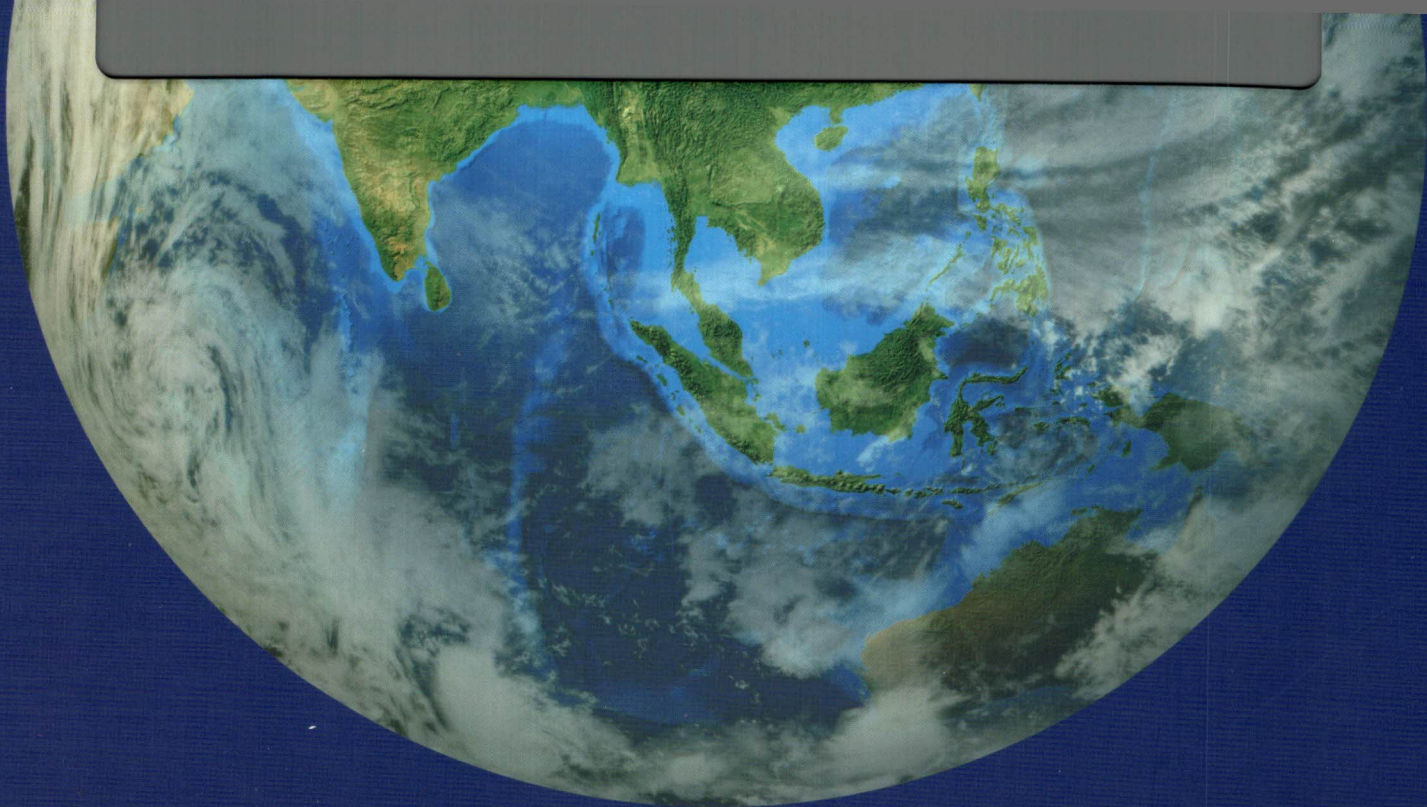
EPA VIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision







Local Expertise
International Presence





Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

 +84 (24) 3 783 2121
 +84 (24) 3 783 2122

 info@cpvietnam.vn
 www.cpvietnam.vn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 34

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Điều hành cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/3/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/3/2023 là: 438.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, P. Khương Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Tổng Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên
Ông Phạm Nguyên Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Hoài Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Phạm Trung Hoàng	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Văn Việt Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/12/2024)
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Vũ Hải Vinh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 180/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, được lập ngày 24/3/2025, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán với giá gốc 43,6 tỷ VND. Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31/12/2024, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2.691.835.668 VND. Với những tài liệu Tổng Công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có).

Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 có dạng ý kiến ngoại trừ về việc “Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản phải thu khách hàng Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc với giá trị 22.376.666.534 đồng”. Vấn đề này vẫn còn ảnh hưởng đến báo cáo năm nay.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		215.894.152.155	304.905.168.669
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	66.281.277.735	73.182.619.518
1. Tiền	111		16.681.277.735	15.782.619.518
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.600.000.000	57.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	700.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.019.043.043	211.548.273.649
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	88.608.564.332	187.148.817.141
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	24.765.074.819	9.745.676.777
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	30.574.741.427	28.583.117.266
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(13.929.337.535)	(13.929.337.535)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	19.363.313.587	19.303.145.335
1. Hàng tồn kho	141		19.363.313.587	19.303.145.335
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		230.517.790	171.130.167
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	185.387.287	125.999.664
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	45.130.503	45.130.503
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		278.139.128.134	300.193.061.169
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		120.245.200	96.245.200
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	120.245.200	96.245.200
II. Tài sản cố định	220		44.359.981.003	44.857.311.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	26.590.841.003	27.088.171.933
- Nguyên giá	222		58.852.547.059	58.259.312.659
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.261.706.056)	(31.171.140.726)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.517.794.123	5.517.794.123
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	5.517.794.123	5.517.794.123
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	228.103.422.309	249.688.855.643
1. Đầu tư vào Công ty con	251		299.518.746.692	299.518.746.692
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		78.969.568.728	78.969.568.728
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(150.384.893.111)	(128.799.459.777)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.685.499	32.854.270
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	37.685.499	32.854.270
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		494.033.280.289	605.098.229.838

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		67.693.963.366	151.450.580.932
I. Nợ ngắn hạn	310		66.673.963.366	150.875.580.932
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	36.553.714.568	102.584.544.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	19.003.820.589	5.075.341.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	78.028.111	383.278.897
4. Phải trả người lao động	314		2.771.306.893	2.894.798.707
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	47.800.000	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	311.937.500	679.710.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	7.900.162.933	8.427.614.685
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	30.823.100.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.192.772	7.192.772
II. Nợ dài hạn	330		1.020.000.000	575.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	1.020.000.000	575.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		426.339.316.923	453.647.648.906
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	426.339.316.923	453.647.648.906
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(50.340.279.869)	(23.031.947.886)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(23.031.947.886)	(14.211.704.445)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(27.308.331.983)	(8.820.243.441)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		494.033.280.289	605.098.229.838

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	119.802.171.602	204.666.223.699
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		119.802.171.602	204.666.223.699
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	110.993.910.967	194.032.697.948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		8.808.260.635	10.633.525.751
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.912.972.462	12.429.140.102
7. Chi phí tài chính	22	6.4	22.083.070.950	9.029.162.749
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		387.040.316	280.303.320
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	290.931.452	181.648.913
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	23.194.640.862	22.642.724.240
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(27.847.410.167)	(8.790.870.049)
11. Thu nhập khác	31	6.6	583.935.857	1.050.000
12. Chi phí khác	32	6.6	44.857.673	30.423.392
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	539.078.184	(29.373.392)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(27.308.331.983)	(8.820.243.441)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(27.308.331.983)	(8.820.243.441)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Văn Tuấn



Nguyễn Trung Dũng



Vũ Hải Vĩnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(27.308.331.983)	(8.820.243.441)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.090.565.330	1.126.745.292
- Các khoản dự phòng	03		21.585.433.334	6.991.118.612
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(10.402.657)	1.549.034.758
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.834.526.245)	(12.378.527.595)
- Chi phí lãi vay	06		387.040.316	280.303.320
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.090.221.905)	(11.251.569.054)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		81.515.718.008	(32.346.687.822)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(60.168.252)	(2.684.981.980)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(52.736.254.266)	(3.543.051.688)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(64.218.852)	(3.345.758)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(387.040.316)	(280.303.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.177.814.417	(50.109.939.622)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(593.234.400)	(109.090.909)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		700.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.834.526.245	8.237.337.950
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.941.291.845	7.428.247.041
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	34.300.463.710
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(30.823.100.000)	(3.477.363.710)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(197.263.300)	(245.763.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.020.363.300)	30.577.336.550
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(6.901.257.038)	(12.104.356.031)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		73.182.619.518	85.284.289.013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(84.745)	2.686.536
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	66.281.277.735	73.182.619.518

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Vũ Hải Vinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 23/11/1995.

Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/02/2007, đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 07 ngày 29/3/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 29/3/2023 là: 438.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng*).

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, P. Khương Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với Mã chứng khoán VEC.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 là 71 người (Tại ngày 31/12/2023 là 73 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Lắp đặt thiết bị trong lĩnh vực điện tử và cho thuê văn phòng.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Con				
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%	97,01%
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	204 Nơ Trang Long, P. 12, Q. Bình Thành, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51%	51%
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, P. 12, Q. Bình Thành, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%	55,54%
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	52-54 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51%	51%
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65%	65%
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	92,47%	91,86%
Công ty liên doanh liên kết				
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	18 Nguyễn Chí Thanh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,7%	35,7%
Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%	42,16%
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	1026B Lũy Bán Bích, P. Hòa Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%	33,77%
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%	28,52%
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (*)	48BT3 Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%	49%
Công ty TNHH DM Vina	Lô CN07, Khu công nghiệp Bình Xuyên II, P. Bá Hiến, H. Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	Sản xuất sản phẩm từ plastic	41,74%	41,74%

(*) Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2013.

Chi nhánh phụ thuộc:

Đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ	Hoạt động chính
Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, phường Cát Bi, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và thấp hơn trong lĩnh vực điện tử, tin học và các lĩnh vực khác được Nhà nước cho phép.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics và Báo cáo tài chính của Cơ quan Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Tổng Công ty với đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp Tổng Công ty.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được ghi giảm và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý, nhượng bán đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 08 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá trị của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá trị của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí khác bao gồm các loại chi phí trả trước phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, tiền học phí nhiều kỳ); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, lắp đặt; doanh thu cho thuê và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Đối với doanh thu bán hàng, lắp đặt

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn là tổng chi phí phát sinh của giá thành sản xuất của sản phẩm và giá vốn dịch vụ trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị trực thuộc được thực hiện và kê khai tập trung tại Tổng Công ty.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	84.952.519	252.519.836
Tiền gửi ngân hàng	16.596.325.216	15.530.099.682
Các khoản tương đương tiền	49.600.000.000	57.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	49.600.000.000	57.400.000.000
Tổng	66.281.277.735	73.182.619.518

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới 03 tháng bằng VND với lãi suất từ 2,1% đến 4,4%/năm.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	88.608.564.332	187.148.817.141
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	22.176.666.534	22.376.666.534
Công ty Cổ phần AKA Việt Nam	21.013.690.714	22.013.690.714
Ban quản lý dự án Điện 2 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam	70.200.000	21.760.293.600
Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	1.448.837.040	1.290.688.754
Trung tâm Kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp khu vực phía Nam	-	32.578.101.353
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	7.481.758.363	17.152.902.984
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	7.525.961.877	-
Các khách hàng khác	28.891.449.804	69.976.473.202
Tổng	88.608.564.332	187.148.817.141

Trong đó: Phải thu các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1

23.673.705

23.673.705

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty TNHH Cơ điện Đại Phúc	-	2.538.723.000
Công ty CP đầu tư và thương mại - HK	5.724.629.173	-
Công ty TNHH XPAD	10.491.048.027	-
Các nhà cung cấp khác	3.695.046.619	2.352.602.777
Tổng	24.765.074.819	9.745.676.777
<i>Trong đó trả trước các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	-	129.224.654

5.4 Phải thu khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	30.574.741.427	(2.459.411.224)	28.583.117.266	(2.459.411.224)
Phải thu khác	21.309.837.854	(2.459.411.224)	20.203.642.253	(2.459.411.224)
+ Công ty CP Viettronicsc Công nghiệp	8.290.603.552	-	8.290.603.552	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	1.539.427.889	-	1.539.427.889	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	5.989.464.000	-	3.327.480.000	-
+ Phải thu các đối tượng khác	688.114.840	(351.413.651)	2.243.903.239	(351.413.651)
Tạm ứng	9.259.903.573	-	8.379.475.013	-
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	-	-
Dài hạn	120.245.200	-	96.245.200	-
Phải thu khác	96.245.200	-	96.245.200	-
+ Khoản phải thu Cổ phần hóa tại Trường CD nghề Viettronics	64.245.200	-	64.245.200	-
+ Trung tâm dịch vụ Thuận - Trường CD nghề Viettronics	32.000.000	-	32.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	24.000.000	-	-	-
Tổng	30.694.986.627	(2.459.411.224)	28.679.362.466	(2.459.411.224)
<i>Trong đó phải thu các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	16.049.992.389		14.918.008.389	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
 15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,
 Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09- DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Nợ xấu

31/12/2024 (VND)

01/01/2024 (VND)

	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Số ngày quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng								
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	Trên 5 năm	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-	Trên 5 năm	1.161.897.311	(1.161.897.311)	-
Công ty TNHH MTV TM đầu tư phát triển đô thị	Trên 5 năm	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-	Trên 5 năm	2.653.678.000	(2.653.678.000)	-
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Trên 5 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-	Trên 5 năm	2.800.000.000	(2.800.000.000)	-
Trả trước cho người bán								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	Trên 5 năm	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-	Trên 5 năm	4.854.351.000	(4.854.351.000)	-
Phải thu khác								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	Trên 5 năm	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-	Trên 5 năm	2.107.997.573	(2.107.997.573)	-
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	Trên 5 năm	231.346.388	(231.346.388)	-	Trên 5 năm	231.346.388	(231.346.388)	-
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	Trên 5 năm	120.067.263	(120.067.263)	-	Trên 5 năm	120.067.263	(120.067.263)	-
Tổng		13.929.337.535	(13.929.337.535)	-		13.929.337.535	(13.929.337.535)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.309.193.587	-	19.249.025.335	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
Tổng	19.363.313.587	-	19.303.145.335	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	185.387.287	125.999.664
Chi phí thi công trường VTC	-	90.300.000
Công cụ dụng cụ	11.200.000	14.963.750
Chi phí thầu	8.588.768	20.735.914
Chi phí tư vấn	151.018.519	-
Các chi phí khác	14.580.000	-
Dài hạn	37.685.499	32.854.270
Công cụ, dụng cụ	37.685.499	32.854.270
Tổng	223.072.786	158.853.934

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
 15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,
 Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09- DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2024	50.560.970.188	906.936.395	6.322.355.756	469.050.320	-	58.259.312.659
Tăng trong năm	442.534.400	60.700.000	-	-	90.000.000	593.234.400
Mua trong năm	442.534.400	60.700.000	-	-	90.000.000	593.234.400
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	51.003.504.588	967.636.395	6.322.355.756	469.050.320	90.000.000	58.852.547.059
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2024	23.573.253.085	829.258.933	6.322.355.756	446.272.952	-	31.171.140.726
Tăng trong năm	995.105.229	65.182.733	-	22.777.368	7.500.000	1.090.565.330
Khấu hao trong năm	995.105.229	65.182.733	-	22.777.368	7.500.000	1.090.565.330
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	24.568.358.314	894.441.666	6.322.355.756	469.050.320	7.500.000	32.261.706.056
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2024	26.987.717.103	77.677.462	-	22.777.368	-	27.088.171.933
Tại 31/12/2024	26.435.146.274	73.194.729	-	-	82.500.000	26.590.841.003

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 19.532.801.170 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 19.031.804.170 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2024	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2024	-	340.090.400	340.090.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	-	340.090.400	340.090.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	17.769.140.000	-	17.769.140.000
Tại 31/12/2024	17.769.140.000	-	17.769.140.000

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 340.090.400 VND (Tại ngày 01/01/2024 là 340.090.400 VND).

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn		
Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	5.517.794.123	5.517.794.123
Công trình Trường Cao đẳng nghề Viettronics	4.895.984.545	4.895.984.545
	621.809.578	621.809.578
Tổng	5.517.794.123	5.517.794.123

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con			299.518.746.692	(116.690.144.710)	299.518.746.692	(95.178.403.300)
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	97,01%	97,01%	75.462.731.429	(25.290.438.482)	75.462.731.429	(25.722.635.524)
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	51,00%	51,00%	15.198.723.728	-	15.198.723.728	-
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	55,54%	55,54%	133.226.370.342	(59.689.062.342)	133.226.370.342	(38.060.442.342)
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	51,00%	51,00%	35.073.921.193	-	35.073.921.193	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	65,00%	65,00%	13.000.000.000	(4.415.150.112)	13.000.000.000	(4.492.170.909)
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	92,47%	91,86%	27.557.000.000	(27.295.493.774)	27.557.000.000	(26.903.154.525)
Đầu tư vào Công ty liên kết			78.969.568.728	(33.694.748.401)	78.969.568.728	(33.621.056.477)
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	35,70%	35,70%	21.684.417.517	-	21.684.417.517	-
Công ty Cổ phần Viettronimex	42,16%	42,16%	13.987.729.333	-	13.987.729.333	-
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	33,77%	33,77%	2.278.518.130	-	2.278.518.130	-
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	28,52%	28,52%	895.348.195	-	895.348.195	-
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	49,00%	49,00%	1.276.595.137	(1.276.595.137)	1.276.595.137	(1.276.595.137)
Công ty TNHH DM Vina	41,74%	41,74%	38.846.960.416	(32.418.153.264)	38.846.960.416	(32.344.461.340)
Tổng			378.488.315.420	(150.384.893.111)	378.488.315.420	(128.799.459.777)

(*): Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	36.553.714.568	36.553.714.568	102.584.544.220	102.584.544.220
Công ty Cổ phần YOTEK	433.947.240	433.947.240	23.310.357.180	23.310.357.180
Công ty Cổ phần PISA	-	-	17.293.844.346	17.293.844.346
Công ty Cổ phần MEDITRONIC	4.534.830.000	4.534.830.000	6.934.830.000	6.934.830.000
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	4.886.745.418	4.886.745.418	-	-
Công ty CP Công nghệ Thông minh Tiến Phát	3.995.196.522	3.995.196.522	-	-
Công ty Cổ phần tiết kiệm năng lượng ESE CORP	6.091.063.662	6.091.063.662	6.091.063.662	6.091.063.662
Các nhà cung cấp khác	16.611.931.726	16.611.931.726	48.954.449.032	48.954.449.032
Tổng	36.553.714.568	36.553.714.568	102.584.544.220	102.584.544.220

*Trong đó phải trả người bán
là các bên liên quan được
trình bày tại Thuyết minh 7.1*

	7.241.496.079	7.241.496.079	2.354.750.661	2.354.750.661
--	---------------	---------------	---------------	---------------

5.13 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	19.003.820.589	5.075.341.651
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	-	3.648.598.779
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thế giới Thông minh	-	814.302.500
Tổng công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	612.440.372	612.440.372
Công ty cổ phần kỹ thuật năng lượng Tâm Thành Phát	10.705.150.977	-
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban QLDA lưới điện Miền Nam	4.628.502.810	-
Các khách hàng khác	3.057.726.430	-
Tổng	19.003.820.589	5.075.341.651

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
a. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	383.278.897	8.421.399.031	8.726.649.817	78.028.111
Thuế giá trị gia tăng	231.141.406	5.012.327.878	5.170.934.228	72.535.056
Thuế XNK		1.919.154.842	1.919.154.842	-
Thuế thu nhập cá nhân	152.137.491	432.302.575	578.947.011	5.493.055
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.053.613.736	1.053.613.736	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
b. Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	45.130.503	-	-	45.130.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.130.503	-	-	45.130.503

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	47.800.000	-
Chi phí lắp đặt, chạy thử thiết bị	47.800.000	-
Tổng	47.800.000	-

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	311.937.500	679.710.000
Doanh thu nhận trước tiền học phí	311.937.500	679.710.000
Tổng	311.937.500	679.710.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	7.900.162.933	8.427.614.685
Kinh phí công đoàn	48.844.365	72.054.279
Các khoản phải trả phải nộp khác	7.851.318.568	8.355.560.406
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>2.684.755.000</i>	<i>2.882.018.300</i>
<i>Công ty Cổ phần Công trình Viettronics</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	<i>1.302.400.000</i>	<i>1.302.400.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>864.163.568</i>	<i>1.171.142.106</i>
Dài hạn	1.020.000.000	575.000.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.020.000.000	575.000.000
Tổng	8.920.162.933	9.002.614.685
<i>Trong đó phải trả khác là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	30.823.100.000	30.823.100.000	30.823.100.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch III	-	-	-	30.823.100.000	30.823.100.000	30.823.100.000
Tổng	-	-	-	30.823.100.000	30.823.100.000	30.823.100.000

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn ngân sách	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	438.000.000.000	38.679.596.792	(14.211.704.445)	462.467.892.347
Lỗi trong năm trước	-	-	(8.820.243.441)	(8.820.243.441)
Số dư tại 31/12/2023	438.000.000.000	38.679.596.792	(23.031.947.886)	453.647.648.906
Số dư tại 01/01/2024	438.000.000.000	38.679.596.792	(23.031.947.886)	453.647.648.906
Lỗi trong năm nay	-	-	(27.308.331.983)	(27.308.331.983)
Số dư tại 31/12/2024	438.000.000.000	38.679.596.792	(50.340.279.869)	426.339.316.923

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	52.702.500.000	52.702.500.000
Tổng	438.000.000.000	438.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	31/12/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.466,21	62.490.927	2.105,50	60.528.155
EUR	485,99	12.724.676	506,86	13.376.456
Tổng	2.952,2	75.215.603	2.612,4	73.904.611

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng, lắp đặt	111.796.059.296	195.875.622.990
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.006.112.306	8.790.600.709
Tổng	119.802.171.602	204.666.223.699

6.2 Giá vốn về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng, lắp đặt	108.954.294.491	191.908.621.935
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.039.616.476	2.124.076.013
Tổng	110.993.910.967	194.032.697.948

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.126.187.245	2.484.306.595
Cổ tức được chia	7.708.339.000	9.894.221.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	68.043.560	50.612.507
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	10.402.657	-
Tổng	8.912.972.462	12.429.140.102
<i>Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh 7.1</i>	<i>7.708.339.000</i>	<i>9.894.221.000</i>

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	387.040.316	280.303.320
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	110.597.300	208.706.059
Dự phòng tổn thất đầu tư	21.585.433.334	6.991.118.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.549.034.758
Tổng	22.083.070.950	9.029.162.749

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM15 đường Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09- DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí bán hàng	290.931.452	181.648.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.528.000	27.619.048
Chi phí bằng tiền khác	260.403.452	154.029.865
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.194.640.862	22.642.724.240
Chi phí nhân viên quản lý	11.916.523.092	11.990.891.882
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.470.906	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	815.914.476	847.802.772
Thuế phí và lệ phí	9.000.000	10.075.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.097.187.202	539.014.182
Chi phí bằng tiền khác	8.337.545.186	9.254.940.404
Tổng	23.485.572.314	22.824.373.153

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	38.000.001	-
Hoàn nhập chi phí bảo lãnh	28.412.443	-
Xử lý công nợ	467.473.147	-
Thu nhập khác	50.050.266	1.050.000
Tổng	583.935.857	1.050.000
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	38.000.000	-
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	6.828.657	24.290.891
Chi phí khác	29.016	6.132.501
Tổng	44.857.673	30.423.392
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	539.078.184	(29.373.392)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(27.308.331.983)	(8.820.243.441)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(7.708.339.000)	(9.894.221.000)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	7.708.339.000	9.894.221.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>7.708.339.000</i>	<i>9.894.221.000</i>
Tổng thu nhập tính thuế	(35.016.670.983)	(18.714.464.441)
Thuế suất TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.055.077.896	193.398.876.589
Chi phí nhân công	11.916.523.092	11.990.891.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.090.565.330	847.802.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.127.715.202	566.633.230
Chi phí khác bằng tiền	11.231.623.382	9.992.931.940
Tổng	134.421.504.902	216.797.136.413

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao	Công ty liên kết
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Người quản lý khác	Lương và thù lao	2.731.810.000	3.010.981.400

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	48.000.000	24.000.000
Trần Hữu Hưng	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm 27/6/2023)	-	24.000.000
Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	542.269.209	577.663.400
Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	313.297.915	468.635.600
Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT	462.969.209	473.063.400
Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	443.473.219	481.235.600
Giáp Minh Trung (*)	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/12/2024)		
Văn Viết Tuấn (*)	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/12/2024)		
Vũ Hoài Anh	Trưởng ban kiểm soát	430.673.219	443.435.600
Nguyễn Văn Chính	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000	24.000.000
Phạm Trung Hoàng	Thành viên ban kiểm soát	36.000.000	24.000.000
Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng	419.127.229	470.947.800
Tổng		2.731.810.000	3.010.981.400

(*) Do Ông Giáp Minh Trung và Ông Văn Viết Tuấn bỏ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 30/12/2024 nên không trình bày thu nhập năm 2023 và 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		23.673.705	23.673.705
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	23.673.705	23.673.705
Phải thu khác		16.049.992.389	14.918.008.389
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	8.290.603.552	8.290.603.552
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	1.539.427.889	1.539.427.889
Công ty TNHH DM Vina	Công ty liên kết	230.496.948	230.496.948
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	5.989.464.000	3.327.480.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con	-	1.530.000.000
Phải trả người bán		7.241.496.079	2.354.750.661
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Công ty con	2.354.750.661	2.354.750.661
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	4.886.745.418	-
Trả trước cho người bán		-	129.224.654
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	-	129.224.654
Phải trả khác		3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	3.000.000.000	3.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các giao dịch mua hàng			9.586.281.505	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	Mua hàng	9.586.281.505	-
Cổ tức			7.708.339.000	9.894.221.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	Công ty con	Cổ tức	5.989.464.000	5.323.968.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	Công ty con	Cổ tức	1.530.000.000	3.060.000.000
Công ty Cổ phần Viettronimex	Công ty liên kết	Cổ tức	-	1.304.268.000
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	Công ty liên kết	Cổ tức	103.325.000	103.325.000
Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức	85.550.000	102.660.000
Hoạt động khác			38.000.000	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	Công ty con	Phạt vi phạm hợp đồng	38.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng

Vũ Hải Vĩnh

